

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản
làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 01/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chính kèm theo Nghị quyết này

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tăng cường giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/12/2016 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY HOẠCH

**Thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm
vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**
*(Kèm theo Nghị quyết số: 62/NQ-HĐND, ngày 16/12/2016
của HĐND tỉnh Phú Yên)*

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn (VLXD TT&TB) đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Yên phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các ngành khác như: Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh; Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể về thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Quy định bảo vệ các di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, các công trình văn hóa có giá trị, các khu du lịch đồng thời phải đi đôi với bảo vệ môi trường, môi sinh và sự phát triển ổn định, bền vững của cộng đồng và tiết kiệm tài nguyên;

Từ nay đến 2020, xác định khai thác khoáng sản làm VLXD TT&TB không phải là lĩnh vực chủ lực để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; khuyến khích, ưu tiên, lựa chọn Doanh nghiệp khai thác có đầu tư chế biến sâu, hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo vệ sinh môi trường;

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD TT&TB là quy hoạch định hướng, quy hoạch mở, do vậy trong quá trình thực hiện kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện trong từng giai đoạn.

2. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD TT&TB nhằm quản lý khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường có tiềm năng lớn trên địa bàn tỉnh, gắn với việc sản xuất, chế biến các sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, nhằm từng bước đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu về đá xây dựng, cát, sỏi xây dựng, đất sét, đất (cát) san lấp, than bùn cho thị trường nội tỉnh và khu vực lân cận, tạo đà tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Xây dựng ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD TT&TB tỉnh Phú Yên phát triển ở mức cao, trên cơ sở khai thác có hiệu quả tài nguyên khoáng sản và sử dụng lao động tại chỗ. Ưu tiên khai thác, chế biến các loại

khoáng sản có lợi thế của tỉnh và có nhu cầu lớn trên thị trường. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 15 - 20%/năm.

Xác định nhu cầu trữ lượng khoáng sản làm VLXDĐT&TB cần thăm dò, khai thác cho đến năm 2020 và khả năng đáp ứng từ nguồn tài nguyên khoáng sản làm VLXDĐT&TB tại tỉnh; xác định danh mục, tiến độ thăm dò, khai thác các mỏ trong giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 nhằm đáp ứng cho nhu cầu xây dựng của tỉnh.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

Quy hoạch các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn từ nay đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 gồm 05 loại sau: Đá xây dựng; cát xây dựng; đất sét; đất (cát) san lấp; than bùn, trong đó:

- Đá xây dựng thông thường: 67 mỏ với tổng diện tích là 726,635 ha, trữ lượng khai thác giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 12,989 triệu m³; giai đoạn 2021-2030 là 15,216 triệu m³;

- Cát sỏi xây dựng: 54 mỏ với tổng diện tích là 816,01 ha, trữ lượng khai thác giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 6,316 triệu m³; giai đoạn 2021-2030 là 2,272 triệu m³;

- Sét gạch ngói: 20 mỏ với tổng diện tích là 141,58 ha, trữ lượng khai thác giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 2,34 triệu m³;

- Đất (cát) san lấp: 67 mỏ với tổng diện tích là 338,44 ha, trữ lượng khai thác giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 18,279 triệu m³; giai đoạn 2021-2030 là 4,23 triệu m³;

- Than bùn: 6 mỏ với tổng diện tích là 69,075 ha, trữ lượng khai thác giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 90 ngàn tấn, trữ lượng giai đoạn 2021- 2030 là 145,5 ngàn tấn;

Lựa chọn các điểm mỏ đưa vào Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn này đảm bảo có trữ lượng lớn, khai thác tập trung, quy mô công nghiệp, thuận lợi về giao thông, đồng thời cân đối đủ nhu cầu trong giai đoạn.

Phù hợp với các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch ngành khác; đảm bảo yêu cầu quốc phòng, an ninh; ngăn ngừa và giảm thiểu tác động đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa; bảo vệ rừng đặc dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về quản lý Nhà nước

a) Giải pháp về quản lý nhà nước và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản làm VLXDĐT&TB

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 9/3/2012 của Chính phủ, về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản làm VLXDĐT&TB cho nhân dân nói chung và các tổ chức tham gia hoạt động khoáng sản nói riêng;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản và môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXDĐT&TB của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác;

Thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản làm VLXDĐT&TB, tập trung về một đầu mối tránh sự phân tán, trùng lặp không cần thiết;

Phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành và địa phương liên quan thực hiện tốt quy trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa để tham mưu cho các cấp thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm VLXDĐT&TB theo đúng thẩm quyền của pháp luật, kiến nghị biện pháp thích hợp để giảm thiểu các ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích danh thắng và các vấn đề liên quan khác;

b) Giải pháp về đảm bảo an ninh, quốc phòng; phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản

Nâng cao trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp trong hoạt động khoáng sản làm VLXDĐT&TB như đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng; thu hút đào tạo và sử dụng lao động tại địa phương; có biện pháp chủ động bảo vệ môi trường sinh thái và tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội. Các Doanh nghiệp thực hiện hợp tác, gắn kết chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, có khả năng cạnh tranh, tạo thị trường bền vững. Từng bước nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và thống kê báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXDĐT&TB;

Gắn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXDĐT&TB trên địa bàn tỉnh với Quy hoạch các ngành công nghiệp, Quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ, giao thông vận tải, điện, nước, Quy hoạch lâm nghiệp, Quy hoạch sử dụng đất đai của tỉnh. Tận dụng tối đa hạ tầng hiện có phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

c) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ kỹ thuật, công nhân trong ngành khai thác khoáng sản làm VLXDĐT&TB như kỹ thuật khai thác, kỹ thuật chế biến, chỉ huy nổ mìn và thợ mìn;

Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương, lao động trong các hộ bị ảnh hưởng và các hộ trong diện di dời tái định cư bởi hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm VLXDĐT&TB;

Hỗ trợ đào tạo nghề cho công nhân ngành khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định hiện hành của tỉnh. Mặt khác các Doanh nghiệp cần có chính sách đãi ngộ cho cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao.

d) Giải pháp về cơ chế, chính sách

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút vốn của tổ chức, cá nhân cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; cơ chế hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản làm VLXDĐT&TB;

Tạo điều kiện để các Doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn vay tín dụng; nguồn vốn trong và ngoài nước;

Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn vốn từ Trung ương đối với đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng Khu kinh tế, hạ tầng Khu công nghiệp;

Ưu tiên, thu hút những nhà đầu tư có năng lực thật sự, các dự án khai thác công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông trong quá trình khai thác, có khả năng thúc đẩy nhiều ngành khác cùng phát triển.

2. Giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư

Thực hiện chính sách thuế khuyến khích đầu tư theo Luật Đầu tư đã được ban hành. Việc giải quyết các thủ tục đăng ký đầu tư hoạt động khoáng sản làm VLXDTT&TB cần nhanh gọn, thông thoáng, đúng quy trình và quy định của pháp luật; Giải quyết các hồ sơ đăng ký hoạt động khoáng sản thực hiện theo cơ chế một cửa, một đầu mối. Tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký hoạt động khoáng sản làm VLXDTT&TB đúng quy trình, quy phạm;

Thông báo rộng rãi, cập nhật danh mục mời gọi, thu hút đầu tư trong và ngoài nước;

Thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXDTT&TB theo hướng ưu tiên các Doanh nghiệp có năng lực trong nước;

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đất, khoáng sản và thị trường vốn. Phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn từ đất thông qua các hình thức hợp tác đầu tư.

3. Giải pháp về công nghệ và thiết bị

Đối với các mỏ đã và đang tiến hành khai thác, các cơ sở chế biến cần đánh giá lại trình độ công nghệ để có phương án đầu tư, cải tạo nâng cao hiệu quả sản xuất. Về quy mô khai thác đúng theo quy định tại Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng nhằm sử dụng các công nghệ khai thác khoáng sản làm VLXDTT&TB hợp lý nhất, các công nghệ sạch trong sàng tuyển và chế biến khoáng sản.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo tồn di tích danh thắng

Phú Yên là một tỉnh có tiềm năng du lịch nên công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản làm VLXDTT&TB phải được thực hiện nghiêm túc;

Các mỏ đã thăm dò nhưng chưa cấp phép khai thác cần được bảo vệ, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác khoáng sản không phép, trái phép. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử phạt các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản không phép, trái phép;

Thực hiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường ở các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản làm VLXDTT&TB theo đúng Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;

Thực hiện thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, đồng thời lập quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXDTT&TB;

Thực hiện thanh, kiểm tra theo định kỳ và đột xuất các cơ sở đã có giấy phép khai thác khoáng sản, kiểm tra các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXDĐT&TB;

Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định; gắn khai thác khoáng sản với chế biến sâu; kiểm tra việc thực hiện, cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ;

Trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXDĐT&TB phải hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, di tích thắng cảnh, nếu phát hiện các dấu tích, di vật, hiện vật phải có giải pháp bảo vệ và báo cáo với cơ quan chức năng liên quan để có hình thức xử lý./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt